





# **BÁO CÁO VĨ MÔ** **THÁNG 10 NĂM 2024**

Trung tâm phân tích <GO>




**1**  **Lạm phát trong tháng vẫn được kiểm soát tốt**  
10 tháng 2024 tăng **+3.78% svck**  
Lạm phát cơ bản tăng **+2.69% svck**

**2**  **Tổng bán lẻ phục hồi nhưng vẫn còn chậm**  
10 tháng 2024 đạt 5,246.4 nghìn tỷ đồng  
tăng **8.53% svck**


**3**  **Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) giảm tốc**  
Tháng 10 chỉ số IIP tăng  
**3.99% MoM và +7.02% svck**

**4**  **Cán cân thương mại duy trì tăng trưởng**  
10 tháng 2024, kim ngạch XNK **thặng dư 23.35 tỷ USD**  
Xuất khẩu 335.6 tỷ USD (+14.92% YoY)  
Nhập khẩu 312.3 tỷ USD (+16.85% YoY)

**5**  **Giải ngân đầu tư công còn khá thấp**  
Lũy kế 10 tháng giải ngân vốn đầu tư công đạt  
**355,616 tỷ đồng, đạt 47.43% kế hoạch năm**

**6**  **Dòng vốn FDI tăng chậm lại**  
FDI đăng ký lũy kế 10 tháng 2024  
ở mức **27.26 tỷ USD, tăng +1.87%YoY**  
chủ yếu vào nhóm Công nghiệp chế tạo

**7**  **Lãi suất Interbank giảm ở các kỳ hạn**  
**ON: 3.54% từ 4.44% tháng trước**  
**3M: 4.61% từ 4.90% tháng trước**

**8**  **Tỷ giá USD/VND áp lực tăng trở lại**  
Tỷ giá VCB tăng **2.83% MoM, tăng 2.87% YoY**

**9**  **VN-Index giảm mạnh nhất trong 6 tháng qua**  
Kết thúc tháng 10 tại 1,264.5 điểm, **giảm -23.46 điểm**  
Thanh khoản 16,047 tỷ đồng/phần, **+0.28% MoM**

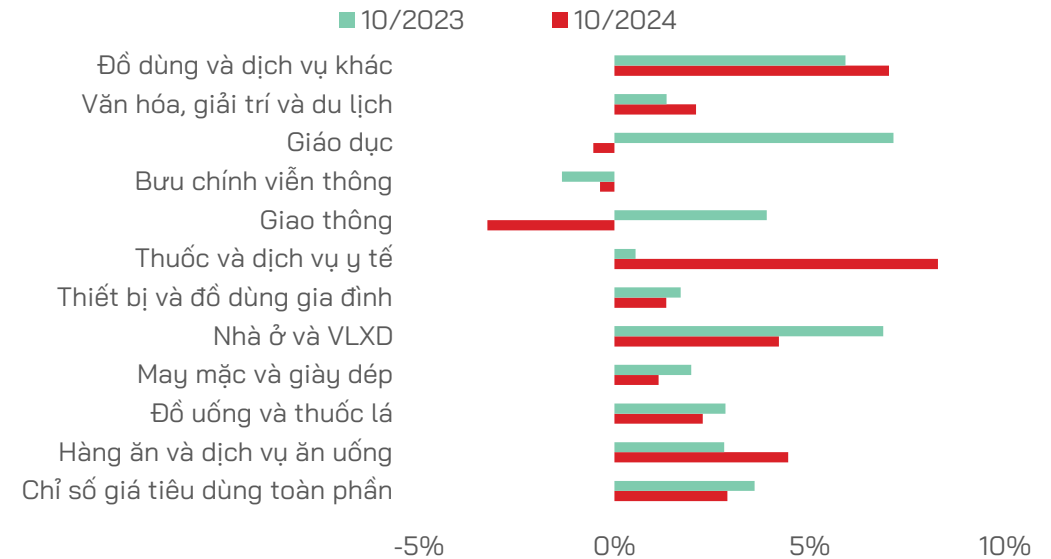
- **Kinh tế Việt Nam dự kiến tiếp tục đà tăng trưởng tích cực trong hai tháng cuối năm 2024 hướng đến mục tiêu tăng trưởng GDP từ 6.8% - 7.0% cho cả năm**, Chính phủ duy trì lãi suất ổn định hỗ trợ nền kinh tế, tiếp tục thúc đẩy đầu tư công và xuất khẩu vẫn duy trì tích cực. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đối mặt với một số thách thức từ căng thẳng địa chính trị ở một số khu vực và biến động từ thị trường quốc tế. Sau khi ông Donald Trump tái đắc cử Tổng thống Mỹ thúc đẩy đồng USD mạnh lên có thể gây áp lực lên tỷ giá, ảnh hưởng đến xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam, đồng thời tạo biến động cho thị trường tài chính toàn cầu. Thị trường chứng khoán sẽ phản ánh những diễn biến này, nhà đầu tư nên thận trọng và theo dõi sát sao các biến động trên trong thời gian tới.

# 1. Lạm phát trong tháng 10 vẫn được kiểm soát tốt

**Chỉ số CPI trong tháng 10 tiếp tục tăng nhưng trong mức kiểm soát khi tăng +0.33% so với tháng trước và tăng +2.89% so với cùng kỳ năm 2023.**

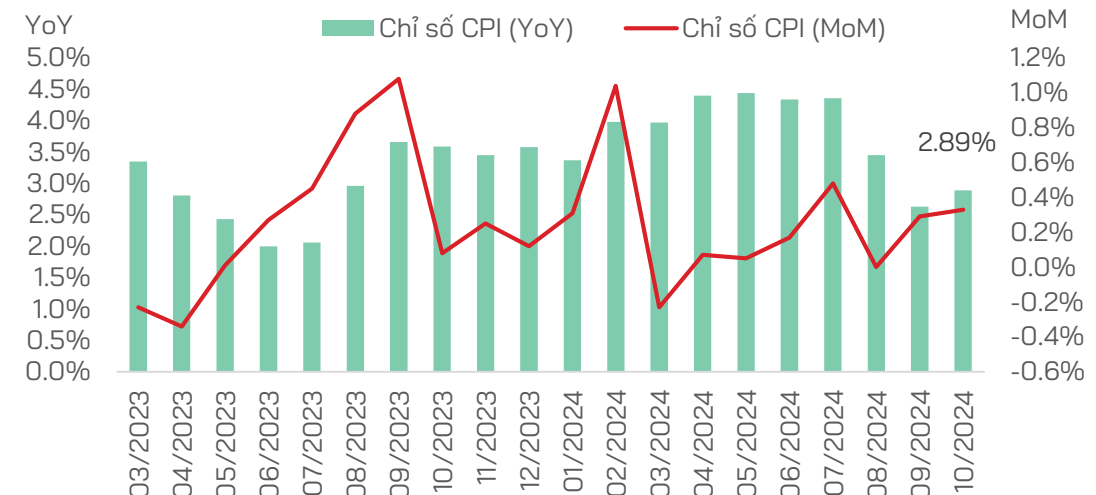
- Các yếu tố tác động mạnh nhất đến lạm phát tháng này là dịch vụ hàng ăn & đồ uống (+0.55% MoM) và giáo dục (+0.48% MoM). Trong đó, nhóm hàng ăn & đồ uống ghi nhận mức tăng do nhu cầu tiêu dùng lương thực tăng cao (đặc biệt từ rau củ và thịt heo) trong mùa lễ hội cuối năm và nguồn cung bị ảnh hưởng bởi mưa bão liên tiếp khiến các loại rau củ quả và thực phẩm thiết yếu leo thang. Đối với giáo dục, phần lớn do điều chỉnh học phí tại một số trường học. Tuy nhiên, các địa phương đã triển khai chính sách giảm phí cho các hộ gia đình khó khăn ảnh hưởng bởi bão lũ.
- Lũy kế 10 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3.78%YoY vẫn dưới mức trần 4.5% của Chính phủ.** Nếu không có những biến động bất ngờ nào ở các tháng cuối năm thì lạm phát sẽ tiếp tục nằm trong mục tiêu 4.5% của Chính phủ. Một số các yếu tố áp lực lên lạm phát trong các tháng sắp tới gồm: (1) Tỷ giá USD/VND tăng trở lại do ông Trump tái đắc cử Tổng thống Mỹ và (2) Giá lương thực tiếp tục tăng cao.

## Chỉ số giá theo nhóm mặt hàng, dịch vụ



Chỉ số giá tiêu dùng YoY (%)	10/2024	10/2023	Lũy kế	MoM
<b>Chỉ số giá tiêu dùng toàn phần</b>	<b>2.89%</b>	<b>3.59%</b>	<b>3.78%</b>	<b>0.33%</b>
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	4.45%	2.81%	4.04%	0.55%
Đồ uống và thuốc lá	2.26%	2.84%	2.43%	0.11%
May mặc và giày dép	1.13%	1.97%	1.45%	0.09%
Nhà ở và VLXD	4.21%	6.88%	5.22%	0.11%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	1.33%	1.70%	1.23%	0.20%
Thuốc và dịch vụ y tế	8.28%	0.54%	7.54%	0.02%
Giao thông	-3.25%	3.90%	1.34%	0.66%
Bưu chính viễn thông	-0.37%	-1.34%	-1.11%	-0.05%
Giáo dục	-0.54%	7.14%	6.68%	0.48%
Văn hóa, giải trí và du lịch	2.09%	1.34%	1.91%	0.09%
Đồ dùng và dịch vụ khác	7.03%	5.91%	6.48%	0.26%
<b>Lạm phát cơ bản</b>	<b>2.68%</b>	<b>3.43%</b>	<b>2.69%</b>	<b>0.23%</b>

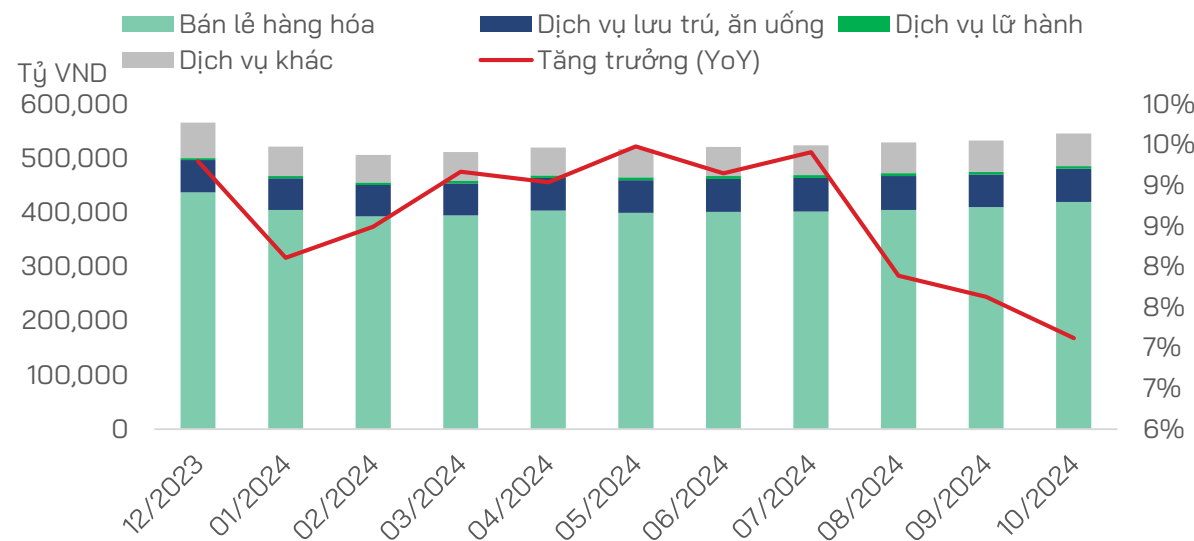
## Chỉ số giá tiêu dùng



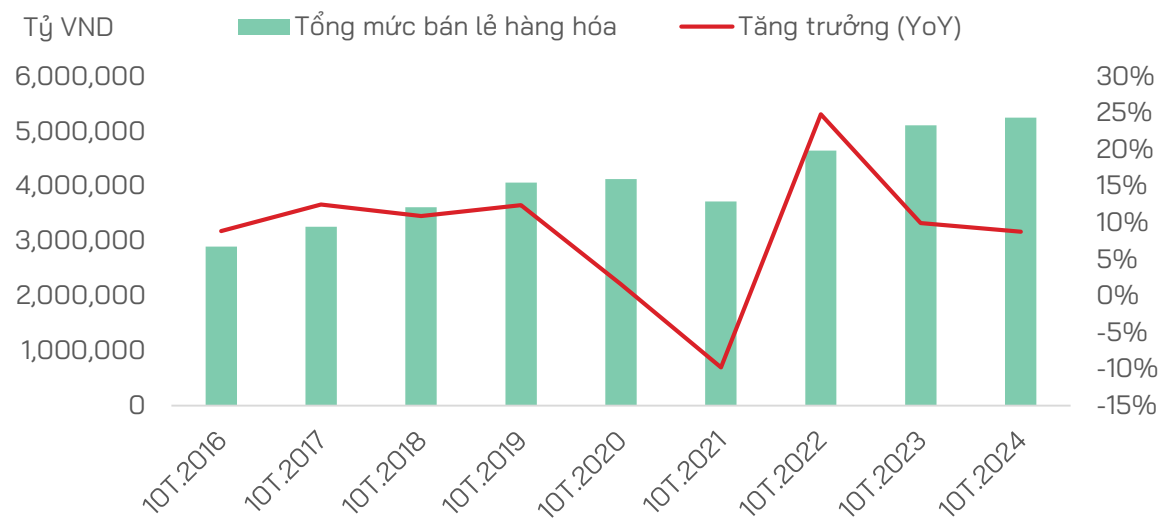
## 2. Tiêu dùng phục hồi nhưng vẫn còn chậm

- **Tổng mức bán lẻ trong tháng 10.2024 đạt 545.7 nghìn tỷ, +2.4% MoM, +7.1% YoY.** Tổng mức bán lẻ ở mức lớn nhất kể từ đầu năm nhưng vẫn ở mức thấp do hoạt động của nhóm du lịch lưu hành và lưu trú ăn uống vẫn ở mức thấp so với cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể, hoạt động bán lẻ hàng hóa (+2.28% MoM, +7.36% YoY), Dịch vụ lưu trú ăn uống (+2.18% MoM, +6.51% YoY), Dịch vụ lưu hành (-1.62 MoM, -1.86% YoY), Dịch vụ khác (+3.88% MoM, +6.81% YoY).
- **Lũy kế 10 tháng đầu năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 5,246.4 nghìn tỷ đồng, tăng 8.53% so với cùng kỳ năm 2023.** Trong đó, hoạt động Bán lẻ hàng hóa đạt 4,048.6 nghìn tỷ đồng (+7.85% YoY), Dịch vụ lưu trú ăn uống đạt 602.27 nghìn tỷ đồng (+12.46% YoY), Dịch vụ lưu hành đạt 50.3 nghìn tỷ đồng (+14.23% YoY) và Dịch vụ khác đạt 545,0 nghìn tỷ đồng, (+8.98% YoY).
- **Chúng tôi vẫn đánh giá thấp triển vọng về tiềm năng của ngành bán lẻ trong ngắn hạn do:** (1) Doanh nghiệp sản xuất có sự phục hồi nhưng nhu cầu lao động vẫn ở mức thấp sẽ ảnh hưởng đến tổng sức mua tiêu dùng, (2) Sự chậm lại ở nhóm bán lẻ và du lịch do kết thúc kỳ nghỉ hè, (3) Tâm lý tiết kiệm của người dân. Tuy nhiên, Chúng tôi duy trì dự báo tốc độ tăng trưởng sẽ trở lại như trước (trên mức 10%YoY) trong trung dài hạn khi nền kinh tế được phục hồi.

### Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng



### Tổng mức bán lẻ lũy kế 10 tháng hàng năm

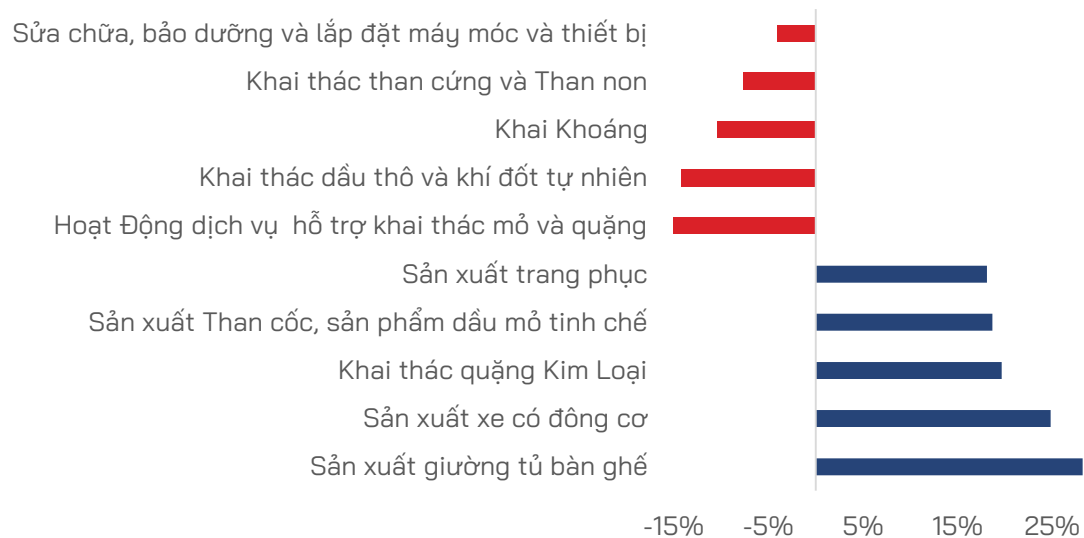


### 3. Hoạt động sản xuất công nghiệp tăng chậm lại

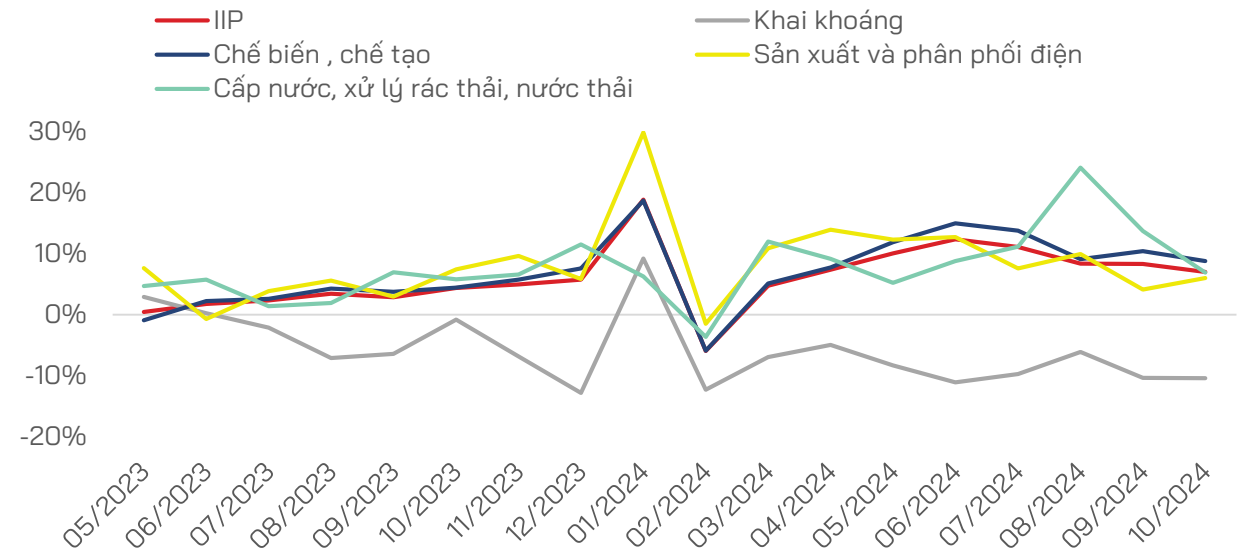
**Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tiếp tục tăng trưởng, tuy nhiên giảm tốc khi tăng 3.99% với tháng trước và 7.02% so với cùng kỳ**

- **Nhóm khai khoáng (+13.78% MoM, -10.42% YoY).** Các nhóm khai khoáng đã có dấu hiệu hồi phục nhưng vẫn thấp hơn so với cùng kỳ, trong đó một số nhóm suy giảm như Khai thác than cứng & than non (+36.3% MoM, -7.71% YoY), dầu thô và khí tự nhiên (+10.75% MoM, -14.23% YoY).
- **Nhóm Công nghiệp Chế biến chế tạo (+3.57% MoM, +8.78% YoY)** đà tăng trưởng đã chậm lại so với kỳ trước (biên độ tăng trưởng ở mức 12-15%). Cụ thể, Sản xuất sản phẩm thuốc lá (+2.99% MoM, +0.7% YoY), Sản xuất than cốc, dầu mỏ tinh chế (+18.86% MoM, -1.86% YoY), Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+12.95% MoM, -0.8% YoY), Sản xuất giường tủ bàn ghế (+28.19% MoM, +4.53% YoY).
- **Chỉ số nhóm Sản xuất và phân phối điện (+3.47% MoM, +6.04% YoY)** đà tăng đã giảm mạnh do tháng cao điểm mùa hè đã kết thúc, tuy nhiên vẫn duy trì được xu hướng tăng hàng năm do nhu cầu sử dụng điện duy trì đà tăng.
- **Mảng cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải (-4.95% MoM, +6.93% YoY)** duy trì đà tăng ổn định ở hoạt động Khai thác, xử lý & cung cấp nước (-1% MoM, +5.49% YoY) và Thoát nước & xử lý nước thải (-0.96% MoM, -0.27% YoY).
- **Chỉ số IIP giảm tốc chủ yếu do các yếu tố mùa vụ (nhu cầu điện, nước giảm sau cao điểm mùa hè) và sự phục hồi không đồng đều trong ngành khai khoáng và chế biến, chế tạo.** Tuy nhiên, mức tăng trưởng vẫn phản ánh đà phục hồi kinh tế tổng thể.

#### Top 5 ngành tăng giảm mạnh nhất tháng 10 (YoY)



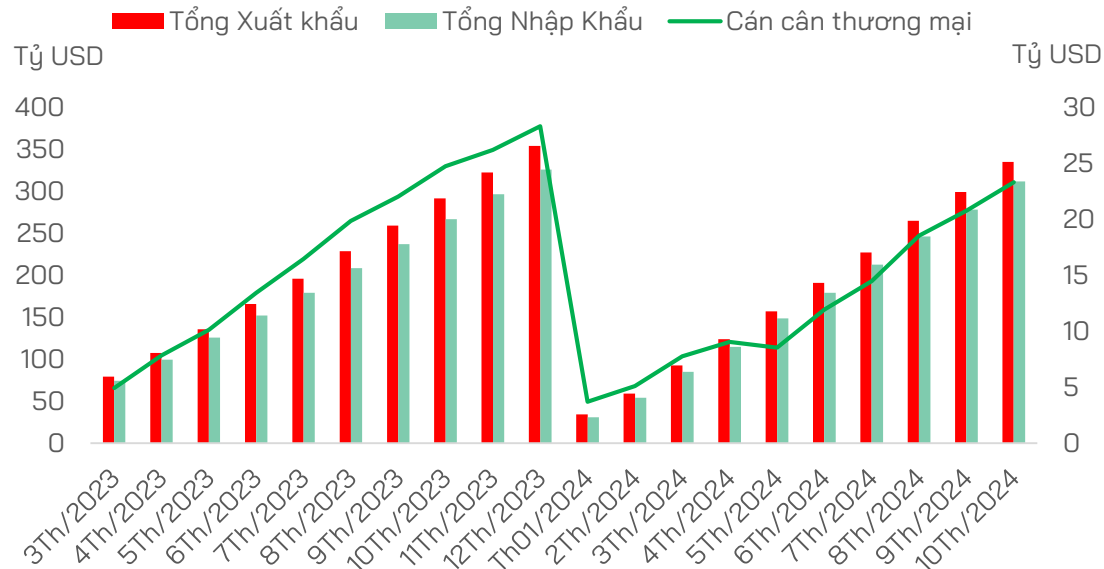
#### Chỉ số IIP YoY so với cùng kỳ



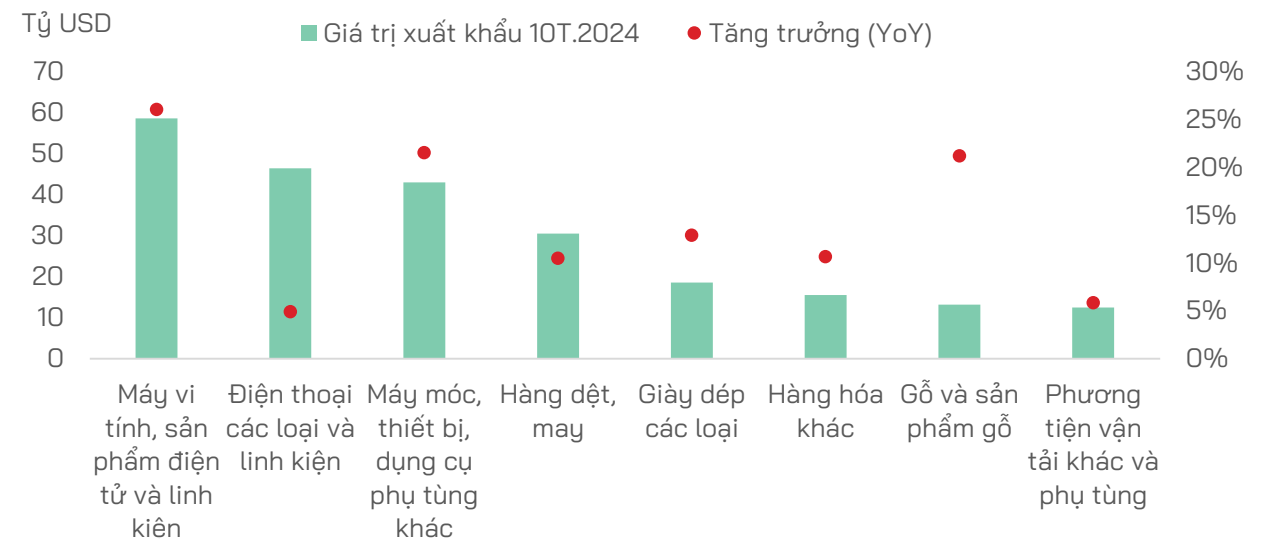
## 4. Xuất nhập khẩu tháng 10 duy trì tăng trưởng nhưng chậm lại

- Trong tháng 10/2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng trưởng trở lại so với cùng kỳ đạt 62.7 tỷ USD (+7.97% MoM, +10.35% YoY) với Cán cân thương mại đạt 2.0 tỷ USD. Hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng trưởng khi lần lượt xuất khẩu đạt 35.6 tỷ USD (+4.57% MoM, +10.24% YoY) chiếm 51.5% tổng kim ngạch và nhập khẩu đạt 33.6 tỷ USD (+5.8% MoM, +13.56% YoY) chiếm 48.5% tổng kim ngạch.
- Lũy kế 10 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 647.9 tỷ USD (+15.84% YoY), trong đó nhập khẩu đạt 312.3 tỷ USD (chiếm 48.2%, +16.85% YoY) và xuất khẩu đạt 335.6 tỷ USD (chiếm 51.8%, +14.92% YoY). Cán cân thương mại đạt thặng dư 23.35 tỷ USD, giảm -5.8% so với cùng kỳ năm trước.
- Chúng tôi cho rằng xuất nhập khẩu sẽ tiếp tục hồi phục trong thời gian tới, phản ánh sự cải thiện của nhu cầu tiêu dùng và sản xuất toàn cầu, đặc biệt khi các nền kinh tế lớn (Mỹ, EU) dần phục hồi, tuy nhiên sẽ có phân hóa trong các nhóm hàng hóa.

### Xuất nhập khẩu lũy kế theo tháng



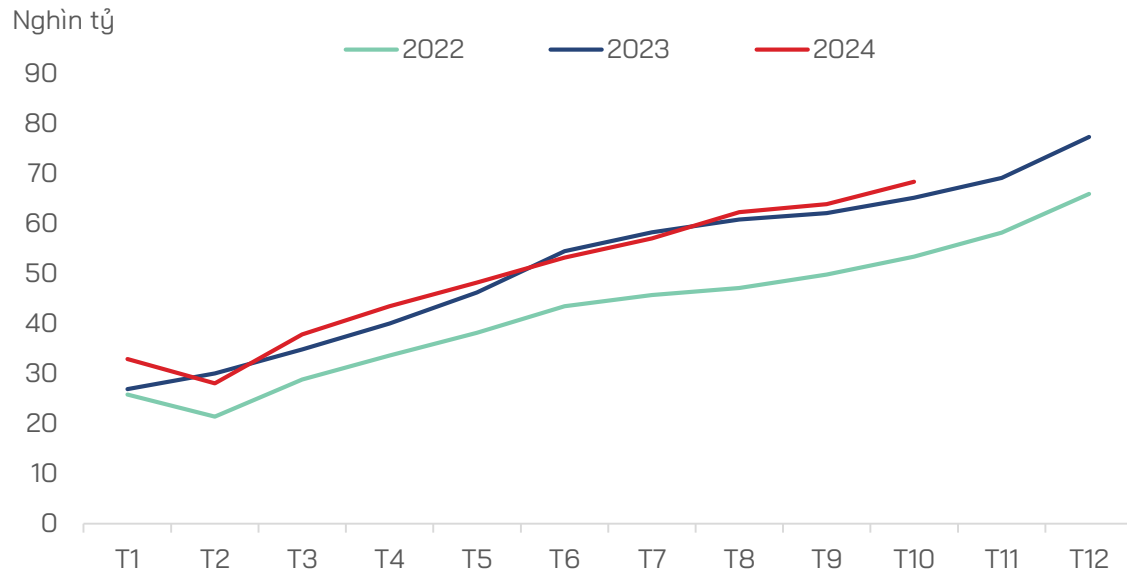
### Các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn trong 10 tháng 2024



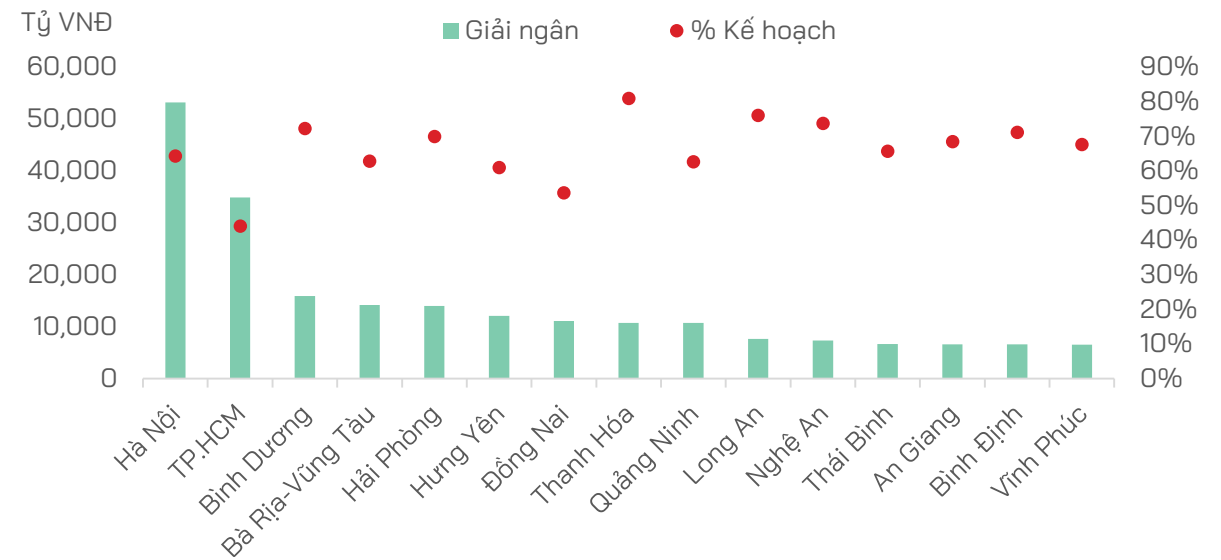
## 5. Giải ngân vốn đầu tư công còn khá thấp

- **Ước giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/10/2024 là 355,616 tỷ đồng, đạt 47.43% kế hoạch năm và đạt 52,29% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao** (cùng kỳ năm 2023 đạt 52.03% kế hoạch và đạt 56.74% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao).
- **Một số địa phương kế hoạch đầu tư lớn nhưng tỷ lệ giải ngân thấp:** TP.HCM được giao 79,264 tỷ đồng, chiếm 11,8% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cả nước nhưng chỉ mới giải ngân 19.63%, TP. Hà Nội được giao 81,033 tỷ đồng, chiếm 12.1% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao nhưng chỉ giải ngân 44.62%.
- **Nguyên nhân giải ngân vốn đầu tư công vẫn còn chậm:** chủ yếu xuất phát từ vướng mắc trong chính sách, chậm phân bổ vốn, khó khăn trong giải phóng mặt bằng, thiếu vật liệu xây dựng, cùng tâm lý e dè của cán bộ địa phương. Tình trạng này không chỉ tạo áp lực lớn cho những tháng cuối năm mà còn ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư công. Trước tình hình đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công điện số 104/CĐ-TTg, yêu cầu các cấp, ngành phải quyết liệt tháo gỡ khó khăn để phấn đấu giải ngân trên 95% kế hoạch năm, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

### Vốn đầu tư ngân sách



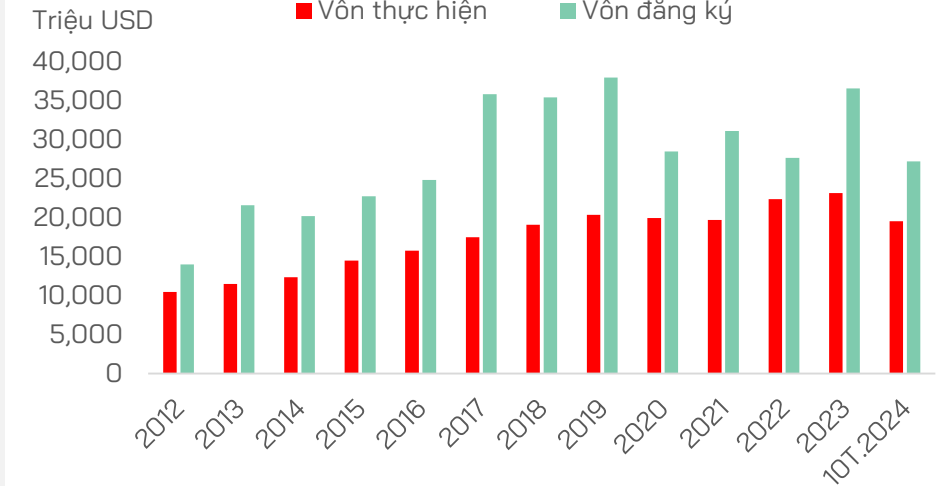
### Giải ngân vốn đầu tư ngân sách 10 tháng 2024



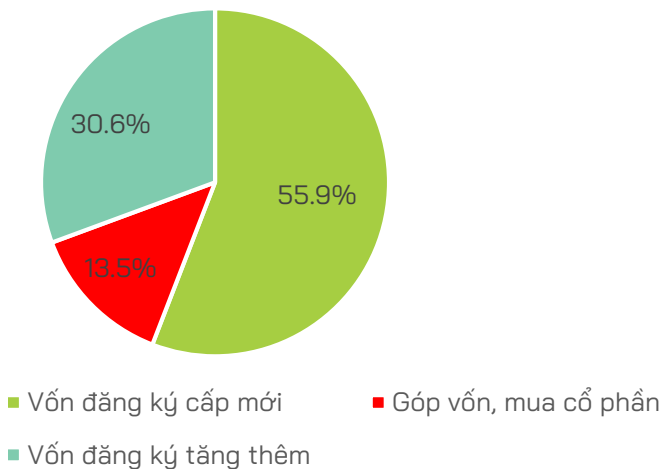
## 6. Dòng vốn FDI đổ vào Việt Nam chậm lại trước cuộc bầu cử tổng Thống Mỹ

- **Tổng vốn FDI đăng ký lũy kế 10 tháng năm 2024 ở mức 27.26 tỷ USD, +1.87%YoY.** Trong đó, số dự án được cấp mới là 2,743 với giá trị 15.23 tỷ USD, 1,151 dự án góp vốn mua cổ phần với giá trị 3.68 tỷ USD và 2,669 dự án vốn đăng ký tăng thêm với giá trị 8.35 tỷ USD. Tổng vốn thực hiện từ đầu năm đạt 19.58 tỷ USD, +8.78%YoY.
- **Bắc Ninh dẫn đầu cả nước về thu hút FDI**, đạt gần 4.7 tỷ USD, tương đương 17.2% tổng đầu tư FDI, tăng +4.08%MoM.
- **Lĩnh vực thu hút FDI hàng đầu vẫn là Chế biến chế tạo với tỷ trọng là 62.6%**, tiếp theo là Bất động sản với tỷ trọng là 19.2%
- **Vốn FDI có dấu hiệu chậm lại trong tháng 10 ở hầu hết các mặt.** Chúng tôi dự đoán vốn FDI sẽ tiếp tục chậm lại trong 2-3 tháng sắp tới và sẽ cần được đánh giá lại, đặc biệt khi ông Trump mới đắc cử tổng thống Mỹ. Chúng tôi kỳ vọng các chính sách mới của Mỹ sẽ chuyển đổi chuỗi cung ứng vào Việt Nam như trong nhiệm kỳ trước, ông Trump đã áp dụng các biện pháp bảo hộ thương mại mạnh mẽ, dẫn đến những thay đổi lớn trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

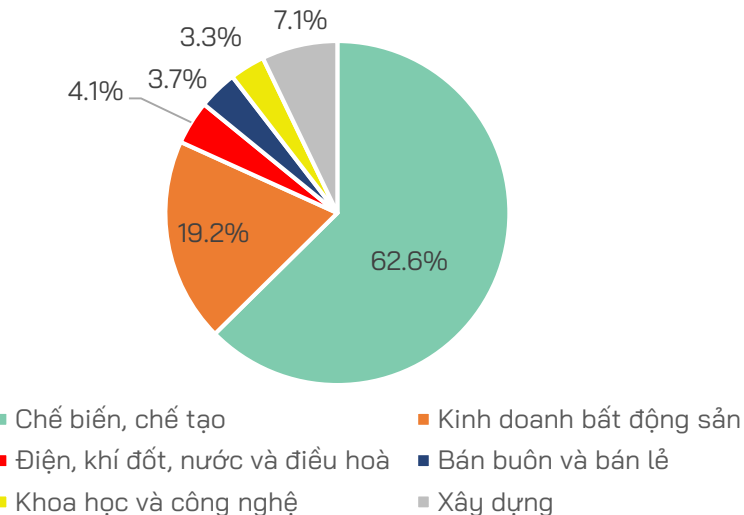
### FDI Giải ngân và Đăng ký



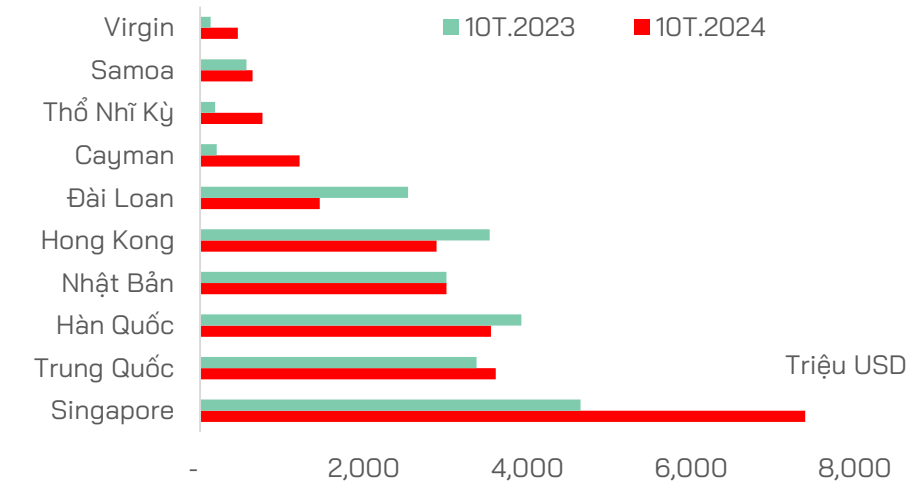
### Cơ cấu tổng vốn đầu tư nước ngoài



### Top 5 lĩnh vực được đầu tư



### Top 10 quốc gia đầu tư vào Việt Nam

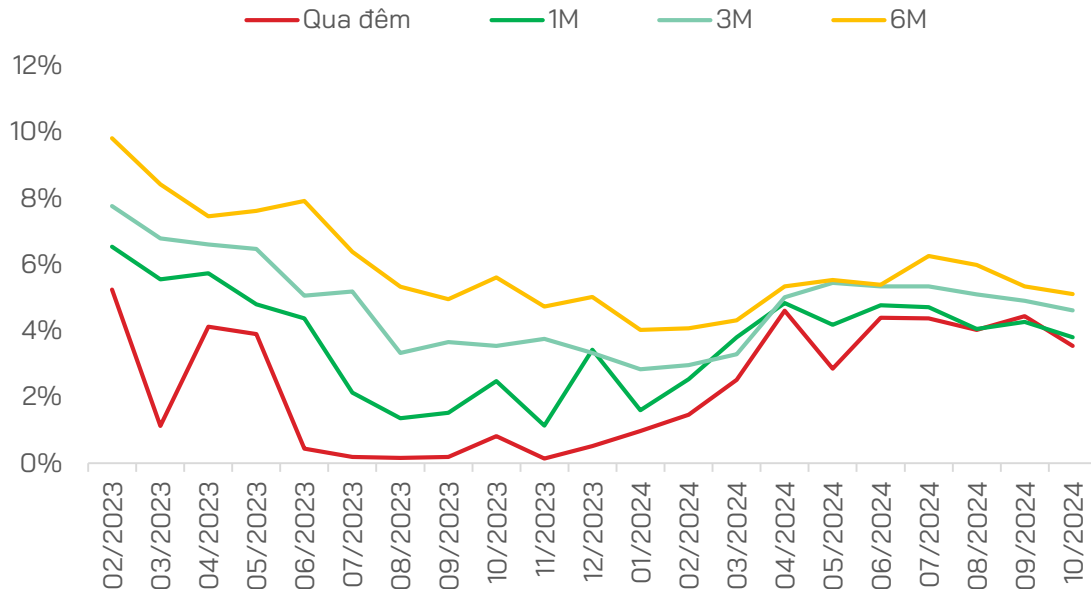




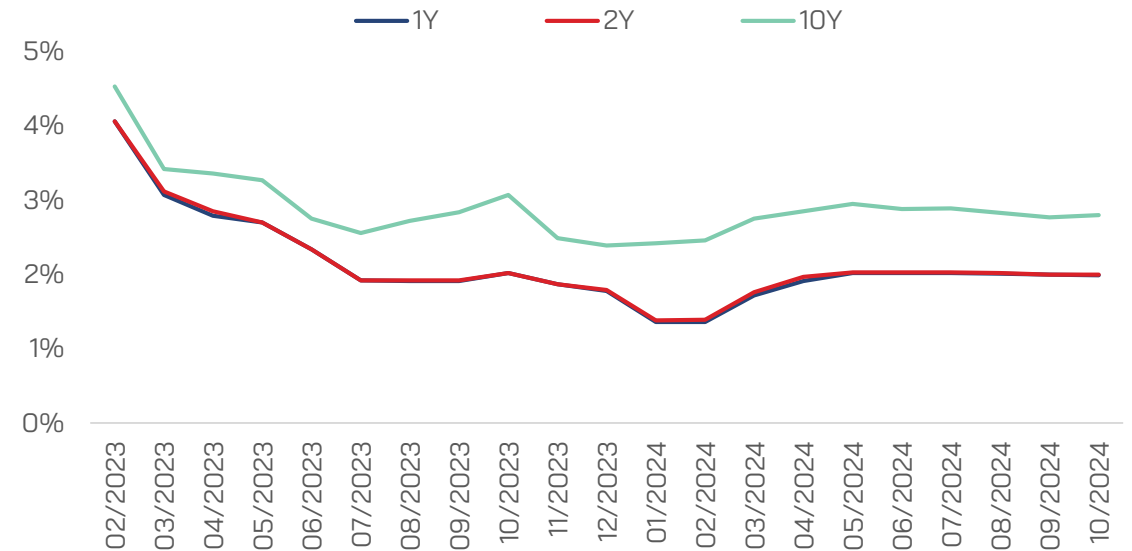
## 7. Lãi suất liên ngân hàng ở mức ổn định

- **Lãi suất liên ngân hàng giảm ở hầu hết các kỳ hạn:** ở kỳ hạn qua đêm (giảm 90bps về mức 3.54%), kỳ hạn 1 tháng (giảm 46bps về mức 3.8%), kỳ hạn 3 tháng (giảm 29 bps về mức 4.61%) và kỳ hạn 6 tháng (giảm 25 bps về mức 5.1%). Mặt bằng lãi suất vẫn theo dự đoán của chúng tôi trong các báo cáo trước. Chúng tôi duy trì quan điểm về việc lãi suất sẽ ổn định hoặc tăng nhẹ (trừ khi có các tác động công cụ hỗ trợ khác mạnh hơn từ NHNN) do: (1) Mặc dù tỷ giá tăng trở lại sau khi ông Trump tái đắc cử Tổng thống Mỹ nhưng áp lực tỷ giá hạ nhiệt khi Fed tiếp tục hạ lãi suất, (2) Chính phủ Việt Nam vẫn duy trì mặt bằng lãi suất thấp để hỗ trợ phát triển nền kinh tế.
- **Lợi suất trái phiếu chính phủ tiếp tục đi ngang trong cả 3 kỳ hạn:** lợi suất giảm 1 bps ở kỳ hạn 1 năm về mức 1.99%, đi ngang trong kỳ hạn 2 năm ở mức 2% và tăng 3bps ở kỳ hạn 10 năm lên mức 2.8%. Lợi suất trái phiếu chính phủ duy trì đi ngang hoặc giảm nhẹ trong 3 tháng vừa qua phản ánh mức độ rủi ro vĩ mô ổn định và ở mức thấp, tình hình kinh tế vẫn đang tiếp tục hồi phục.

### Lãi suất bình quân liên ngân hàng



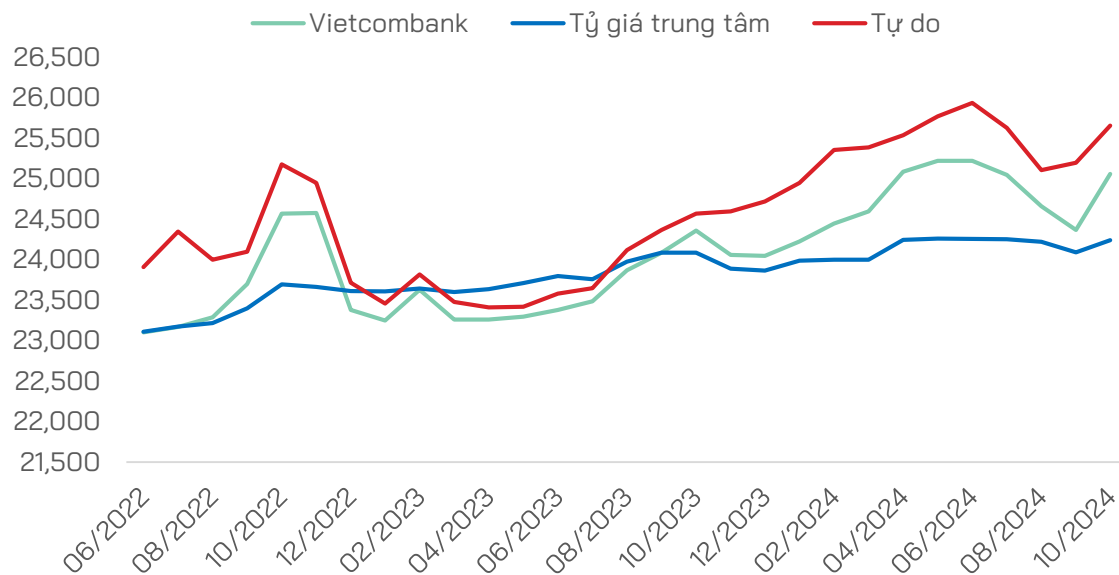
### Lợi suất trái phiếu chính phủ



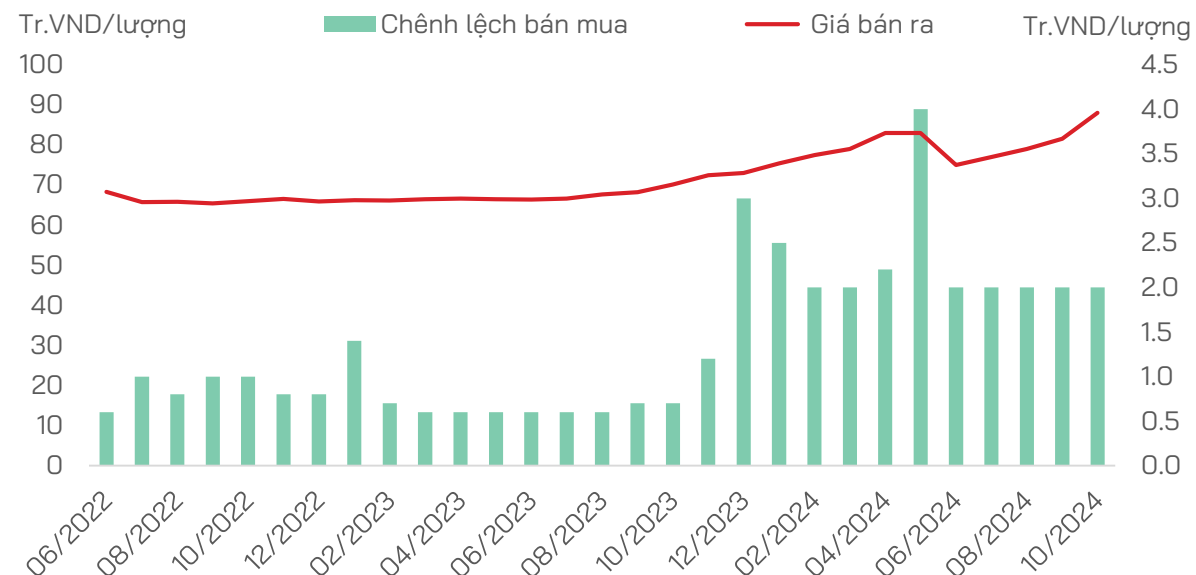
## 8. Tỷ giá tăng và Giá Vàng nhiều khả năng sẽ chịu áp lực trong thời gian tới

- **Tháng 10/2024, cả Tỷ giá trung tâm, Tỷ giá ngân hàng (VCB) và Tỷ giá tự do đều có xu hướng tăng lần lượt 0.62%MoM, 2.83% MoM và 1.83% MoM.** Chúng tôi cho rằng tỷ giá sẽ tiếp tục tăng do kỳ vọng về các chính sách kinh tế của ông Trump, làm đồng USD mạnh lên và lạm phát tại Mỹ tăng cao. Để đối phó với tình hình này, Ngân hàng Nhà nước đã can thiệp bằng cách bán ngoại tệ can thiệp. Tuy nhiên, áp lực tỷ giá vẫn còn hiện hữu trong ngắn hạn, đặc biệt khi nhu cầu ngoại tệ tăng cao do yếu tố mùa vụ, đặc biệt khi các doanh nghiệp đẩy mạnh nhập khẩu nguyên vật liệu cho mùa sản xuất cuối năm và các nghĩa vụ trả nợ quốc tế.
- **Giá vàng SJC trong nước tiếp tục tăng mạnh trong tháng 10/2024 ở cả 2 chiều mua và bán,** chiều mua (88 triệu VND/lượng, +7.98% MoM, +25.53% YoY) và chiều bán (90 triệu VND/lượng, +7.78% MoM, +27.12% YoY), chênh lệch bán mua đi ngang trong tháng thứ 5 liên tiếp ở mức 2 triệu VND/lượng. Giá vàng trong nước đang tăng theo giá vàng thế giới, tuy nhiên xét theo thời điểm báo cáo từ khi ông Trump đắc cử tổng thống thì giá vàng đang có dấu hiệu giảm dần. Theo dự báo của chúng tôi về dự báo ông Trump (người ủng hộ đồng USD) sẽ khiến cho giá vàng thế giới và Việt Nam sẽ tiếp tục chịu áp lực giảm giá trong thời gian tới.

### Tỷ giá VND/USD



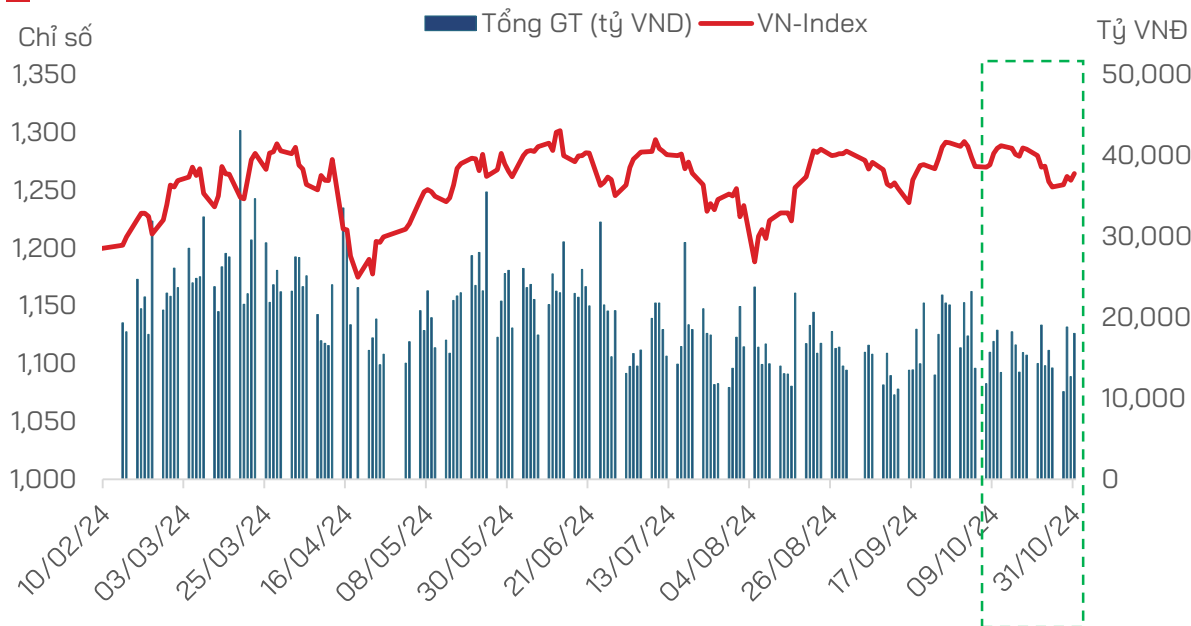
### Giá vàng SJC



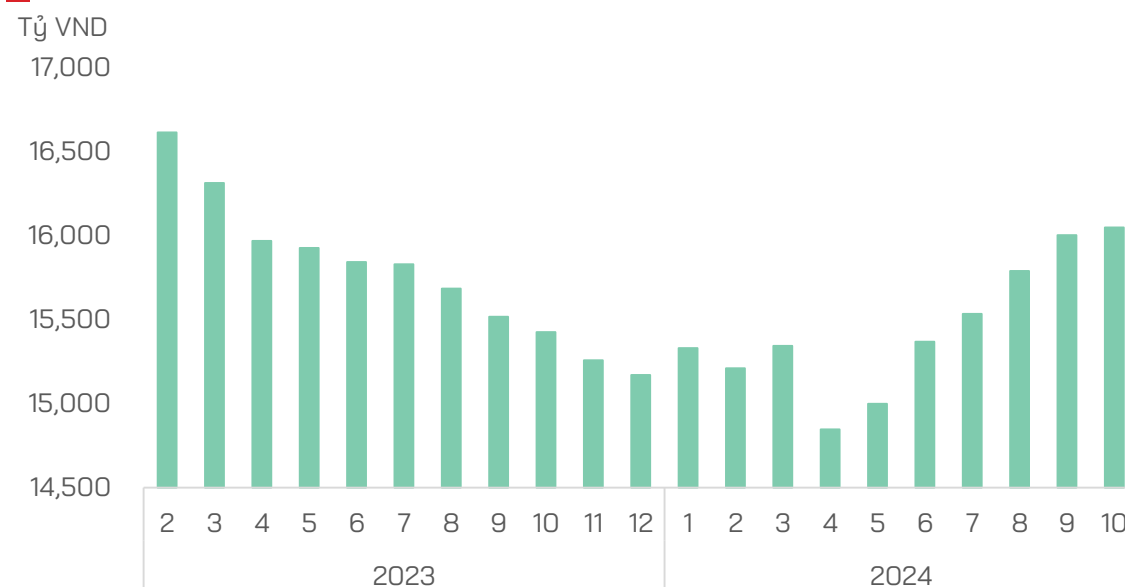
## 9. Thị trường tháng 10 có sự giảm mạnh nhất trong 6 tháng vừa qua

- **VN-Index kết thúc tháng 10/2024 tại 1,264.5 điểm, giảm mạnh 23.46 điểm (-1.82%) so với kỳ trước**, đây là mức giảm mạnh nhất trong 6 tháng kể từ tháng 4.2024 tới nay. Thanh khoản trong tháng 10 vẫn duy trì ở mức gần tương đương với tháng 9 khi đạt 16,047 tỷ đồng, tăng 0.28% so với tháng trước và tăng 3.28% so với trung bình 5 tháng gần nhất.
- **Tỷ trọng dòng tiền gia tăng vào nhóm các cổ phiếu Ngân hàng, Thực phẩm và Bán lẻ trong khi giảm ở các ngành còn lại Bất động sản, Chứng khoán, Thép, Hóa chất, CNTT, Dầu khí.** Cụ thể, nhóm các cổ phiếu Ngân hàng đang đạt mức 27.89% tại tháng 10, đây là mức cao nhất trong 3 năm gần đây cho thấy dòng tiền đang tập chung vào các cổ phiếu này, tuy nhiên chưa tạo được động lực hỗ trợ tăng giá cổ phiếu khi chỉ số giảm -0.88%. Nhóm cổ phiếu Bán lẻ gặp áp lực bán khá lớn nên chỉ số giá giảm mạnh hơn so với thị trường chung (-2.49%). Ngược lại, mặc dù có sự sụt giảm về tỷ trọng dòng tiền nhưng các cổ phiếu CNTT tăng điểm (+1.03%).
- **Chúng tôi cho rằng thị trường vẫn sẽ tiếp tục biến động trong vùng 1200-1300 điểm**, sự kiện bầu cử tổng thống Mỹ có thể gây lên những ảnh hưởng tiêu cực lên thị trường trong ngắn hạn nhưng cũng nhưng cũng mở ra cơ hội cho nhà đầu tư chọn lọc và tích lũy các cổ phiếu có tiềm năng trong thời gian tới.

### Chỉ số và Thanh khoản sàn HOSE



### Giá trị giao dịch trung bình của VN-Index theo tháng



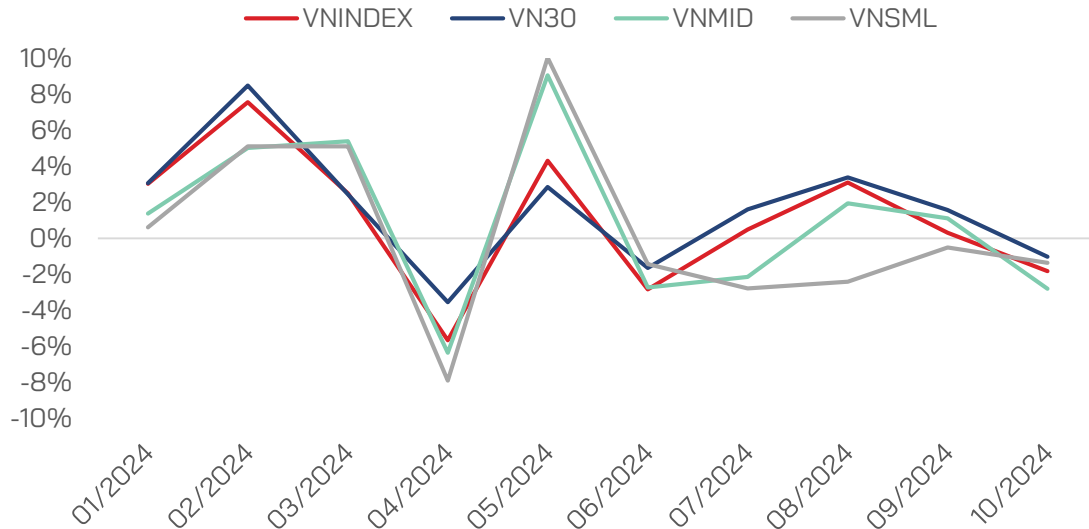
# 10. Nhóm Ngân hàng tăng dòng tiền nhưng không tạo động lực hỗ trợ chỉ số

NGÀNH	01/24	02/24	03/24	04/24	05/24	06/24	07/24	08/24	09/24	10/24	1 THÁNG	3 THÁNG	6 THÁNG	9 THÁNG	1 NĂM	YTD
<b>Ngân hàng</b>	22.67%	20.80%	15.84%	18.81%	15.98%	17.23%	18.88%	17.95%	23.33%	27.89%	-0.9%	4.8%	7.8%	12.1%	27.8%	20.5%
<b>Bất động sản</b>	18.41%	19.37%	21.55%	22.44%	17.38%	14.47%	15.58%	18.73%	18.39%	17.24%	-2.8%	0.1%	-2.1%	-3.2%	6.9%	-4.0%
<b>Dịch vụ tài chính</b>	17.38%	16.95%	19.29%	16.82%	13.97%	12.21%	10.25%	13.49%	14.42%	13.35%	-5.3%	2.0%	-3.1%	-1.0%	32.2%	2.7%
<b>Thực phẩm và đồ uống</b>	6.91%	7.91%	7.85%	7.16%	9.21%	8.32%	8.02%	9.15%	7.58%	8.23%	-0.6%	1.9%	15.2%	20.5%	30.0%	17.9%
<b>Tài nguyên Cơ bản</b>	8.24%	6.93%	6.45%	5.55%	6.54%	7.13%	6.67%	6.27%	6.56%	5.89%	-0.5%	-2.8%	4.8%	3.8%	21.5%	4.6%
<b>Bán lẻ</b>	3.30%	3.11%	3.83%	4.01%	4.59%	3.29%	4.91%	4.78%	4.05%	4.63%	-2.4%	2.0%	18.2%	41.4%	69.5%	49.4%
<b>Hóa chất</b>	3.35%	4.69%	4.55%	4.02%	5.77%	6.36%	6.55%	5.40%	5.20%	3.97%	-5.2%	-0.6%	8.0%	30.5%	62.0%	34.4%
<b>Xây dựng và Vật liệu</b>	7.32%	7.02%	6.64%	5.31%	4.97%	5.17%	4.48%	4.34%	4.37%	3.93%	-1.1%	-0.7%	3.0%	-0.4%	14.0%	-0.2%
<b>Hàng &amp; Dịch vụ Công nghiệp</b>	4.96%	4.88%	5.45%	5.30%	7.15%	8.22%	6.56%	4.60%	3.42%	3.86%	3.9%	-1.9%	24.9%	32.5%	46.8%	40.8%
<b>Công nghệ Thông tin</b>	1.27%	1.86%	1.59%	2.00%	3.30%	5.77%	5.10%	3.82%	3.57%	2.98%	1.0%	4.7%	26.2%	59.0%	82.7%	57.4%
<b>Dầu khí</b>	2.23%	2.77%	2.75%	3.89%	3.80%	3.20%	3.28%	3.51%	2.99%	2.62%	-8.7%	-8.2%	13.2%	14.3%	24.0%	14.1%
<b>Hàng cá nhân &amp; Gia dụng</b>	1.21%	1.12%	1.53%	1.35%	2.36%	2.27%	2.64%	2.71%	1.91%	1.47%	-2.2%	-2.5%	6.6%	11.7%	28.1%	17.0%
<b>Điện, nước &amp; xăng dầu khí đốt</b>	1.16%	1.11%	1.12%	1.16%	1.81%	2.55%	2.91%	2.42%	1.77%	1.28%	-3.0%	-3.8%	5.6%	4.7%	9.9%	4.8%
<b>Du lịch và Giải trí</b>	0.55%	0.42%	0.40%	0.83%	1.25%	1.32%	1.54%	0.95%	0.82%	0.95%	3.7%	2.7%	13.0%	23.2%	38.0%	21.7%
<b>Viễn thông</b>	0.15%	0.17%	0.31%	0.52%	0.64%	0.91%	0.88%	0.70%	0.38%	0.51%	11.0%	-1.8%	15.0%	139.4%	168.0%	156.5%
<b>Ô tô và phụ tùng</b>	0.40%	0.37%	0.36%	0.40%	0.53%	0.59%	0.57%	0.37%	0.41%	0.50%	-3.6%	-10.7%	-0.5%	0.5%	14.8%	4.2%
<b>Y tế</b>	0.18%	0.18%	0.18%	0.19%	0.30%	0.39%	0.61%	0.35%	0.45%	0.37%	-2.0%	-2.5%	7.3%	11.8%	16.7%	12.1%
<b>Bảo hiểm</b>	0.17%	0.18%	0.17%	0.11%	0.32%	0.40%	0.41%	0.33%	0.25%	0.18%	1.1%	-3.6%	5.6%	3.9%	11.6%	5.9%
<b>Truyền thông</b>	0.14%	0.15%	0.14%	0.13%	0.13%	0.20%	0.19%	0.11%	0.14%	0.15%	-2.4%	-7.2%	-4.2%	9.9%	8.6%	16.8%

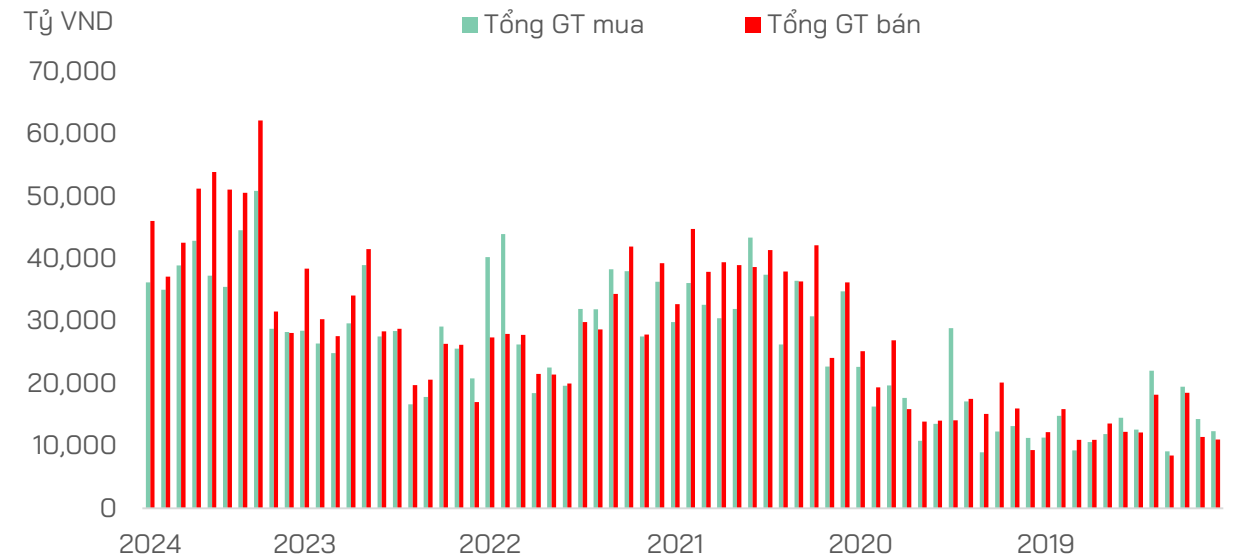
# 11. Khối ngoại bán ròng mạnh trên diện rộng

- **Cả 3 nhóm vốn hóa giảm đồng thuận với thị trường**, lần lượt nhóm vốn hóa lớn (VN30) giảm -1.03% MoM, nhóm vốn hóa vừa (VNMID) giảm -2.81% MoM và nhóm vốn hóa nhỏ (VNSML) giảm -1.36% MoM.
- **Khối Ngoại bán ròng mạnh trở lại trong tháng 10 với 9,834.9 tỷ đồng**, cho thấy Khối ngoại chưa “hào hứng” về việc cho phép nhà đầu tư nước ngoài không phải ký quỹ 100% trước khi giao dịch được công bố. Top bán ròng của khối ngoại trong tháng là các cổ phiếu ngành Bất động sản với top bán ròng gồm các cổ phiếu: HDB, MSB, BID, VRE, KBC, SSI, DGW, KDH, CTG.
- **Dòng tiền của Nhà đầu tư cá nhân tiếp tục là lực đỡ chính mua ròng 4,109.4 tỷ đồng**, mua ròng các cổ phiếu nhóm Dịch vụ Tài chính với Top mua ròng gồm: VIB, HDB, VNM, VRE, BID, MSB, OCB, SSI, HCM, GVR.
- **Nhóm Tự doanh mua ròng 4,693.8 tỷ đồng**, mua ròng mạnh nhất là nhóm Bất động sản và Ngân hàng với Top mua ròng gồm: VPB, HAH, MBB, NTL, PNJ.
- **Nhà đầu tư Tổ chức trong nước mua ròng 1,031.7 tỷ đồng**, mua ròng nhóm Bất động sản với Top mua ròng gồm: VHM, HPG, VPB, EIB, DBC.

### Hiệu suất nhóm vốn hóa theo tháng



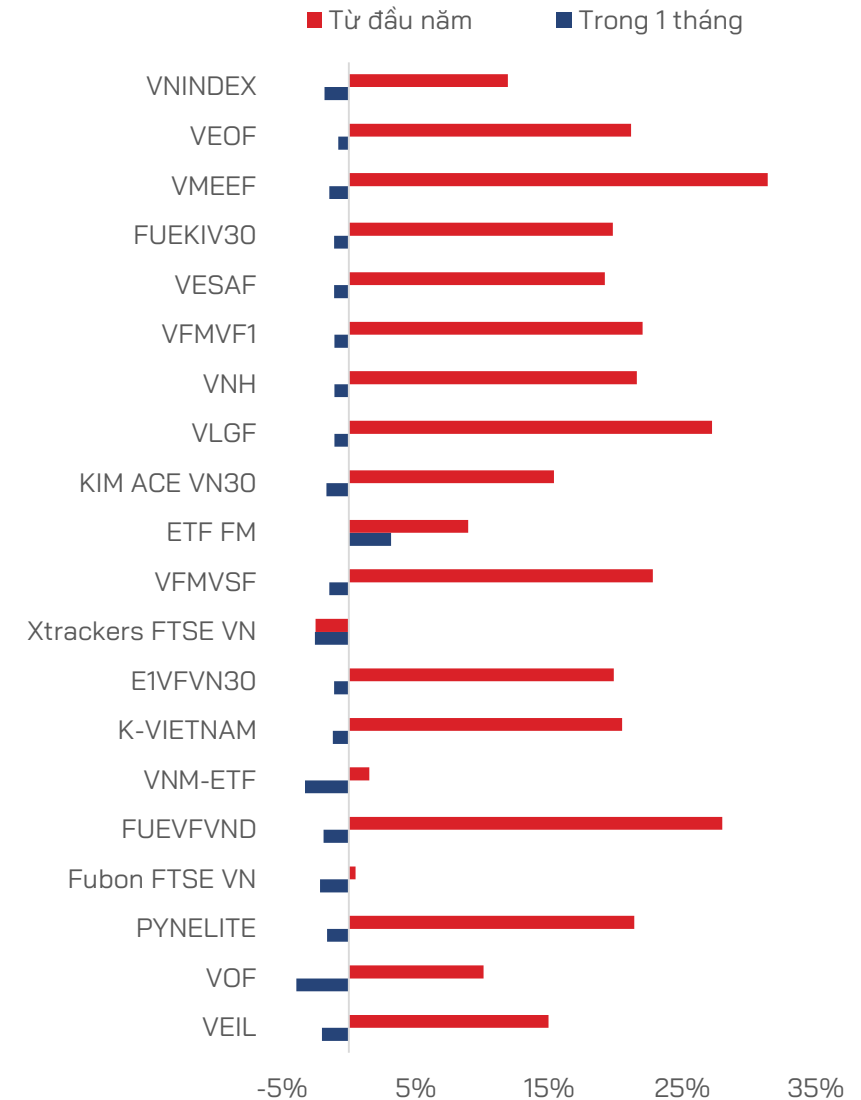
### Dòng tiền mua bán của Khối ngoại



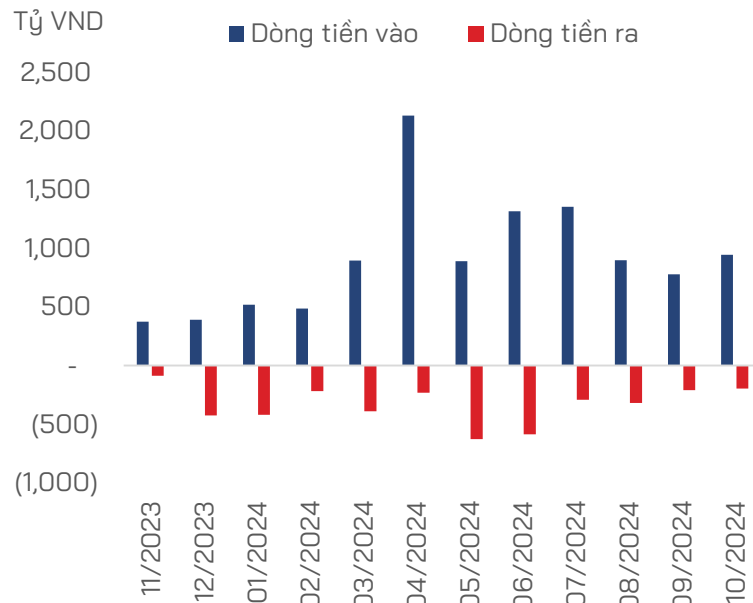
## 12. Hiệu suất cổ phiếu trong tháng của hầu hết các quỹ kém tích cực

- **Hiệu suất cổ phiếu tháng 10 của hầu hết các quỹ (quỹ có NAV > 1,000 tỷ VND) đều âm trong bối cảnh thị trường chung đang kém tích cực.** Chỉ có duy nhất quỹ iShares MSCI Frontier and Select EM ETF (ETF FM) đi ngược lại số đông với hiệu suất dương.
- **Tính từ đầu năm tới nay, phần lớn các quỹ cổ phiếu đều duy trì hiệu suất dương tích cực với 39/64 quỹ tăng trưởng vượt VN-Index,** dẫn đầu là các quỹ VinaCapital (+31.4%), SSI-SCA (+29.4%), ETF MAFM VNDIAMOND (+28.1%) với đặc điểm chung đều nắm giữ 2 cổ phiếu FPT và ACB trong danh mục nắm giữ.
- **Danh mục quỹ:** Những cổ phiếu được các quỹ mua ròng mạnh trong tháng 10.2024 gồm VPB, KDH, HVN, VIB, IDC. Ở chiều ngược lại, HDB, HPG, MBB là các cổ phiếu mà quỹ bán ròng mạnh

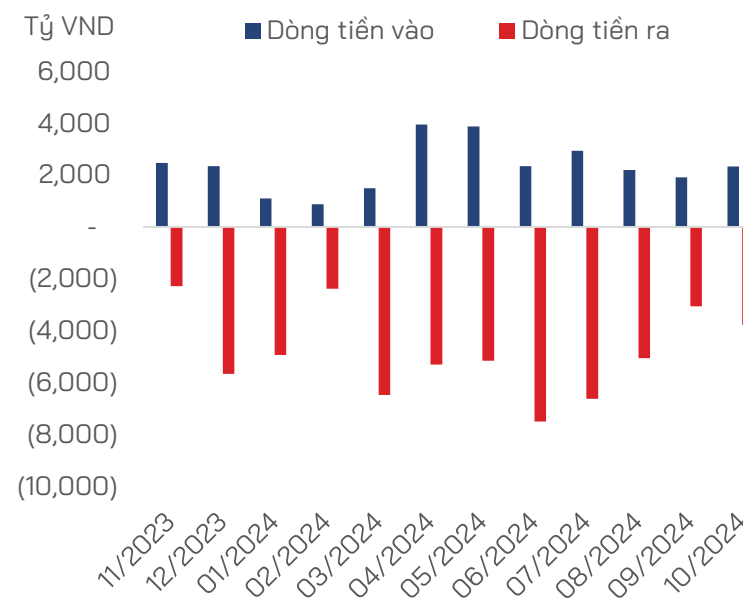
### Hiệu suất của các quỹ đầu tư cổ phiếu



### Dòng tiền của Quỹ Mở



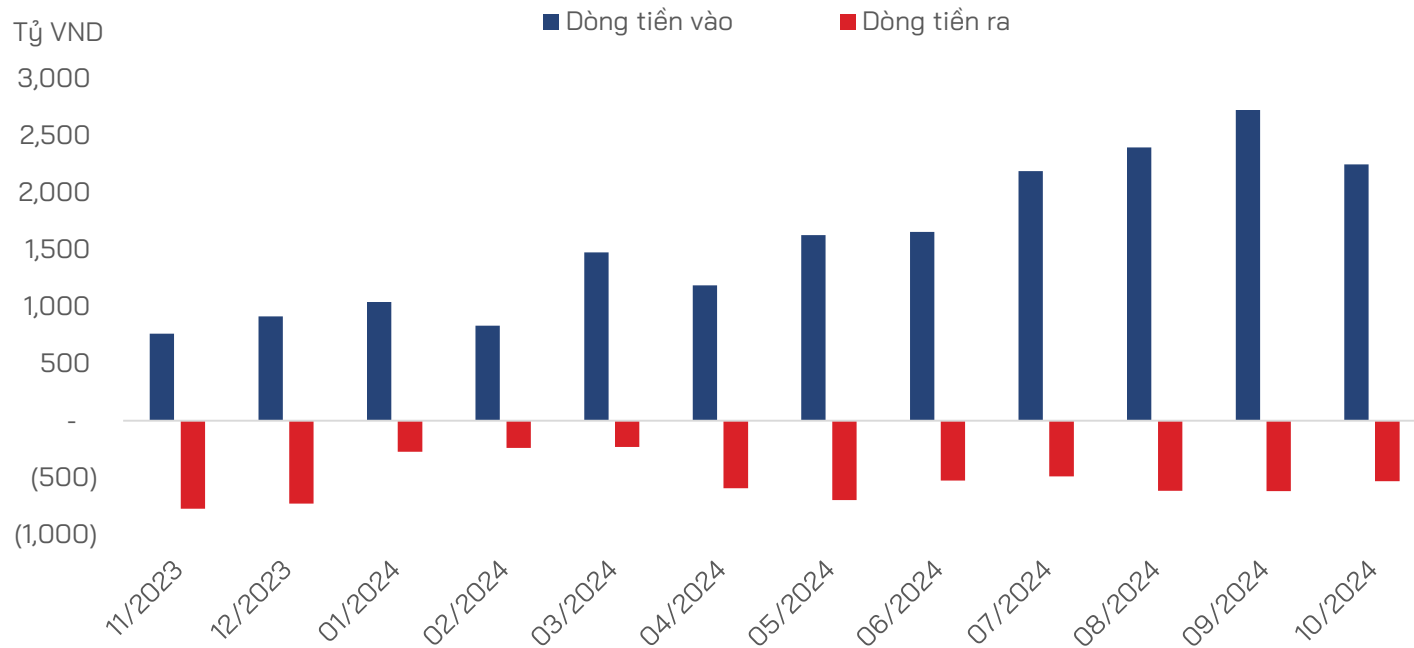
### Dòng tiền từ Quỹ ETF



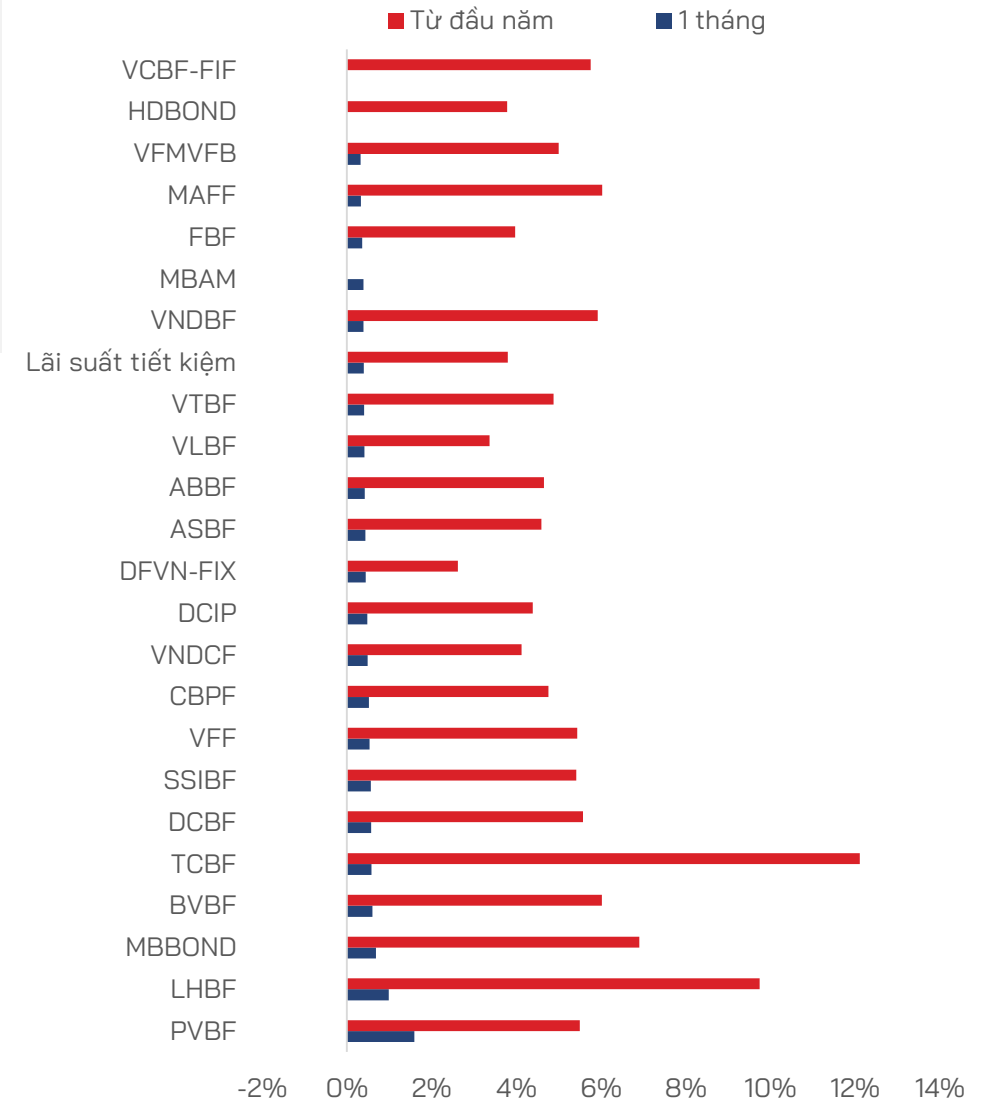
# 13. Quỹ Trái Phiếu: Các quỹ trái phiếu hiệu suất ổn định trong tháng 10.2024

- Các quỹ trái phiếu duy trì hiệu suất ổn định trong tháng 10.2024 khi có 16/23 quỹ đầu tư trái phiếu đạt hiệu suất tốt hơn so với gửi lãi tiết kiệm. Dẫn đầu là Quỹ đầu tư trái phiếu PVcom (PVBF) +1.6%, Quỹ Đầu tư Trái phiếu Lighthouse (LHBF) +0.99%, Quỹ đầu tư Trái phiếu MBBOND +0.68% và Quỹ đầu tư Trái Phiếu Bảo Việt (BVBF) +0.6%.
- Dòng tiền vào quỹ trái phiếu có sự sụt giảm trong tháng 10 với giá trị ròng đạt 1,717 tỷ đồng, giảm -18.6% so với tháng trước.

## Dòng tiền Quỹ trái phiếu




## Hiệu suất của các quỹ đầu tư trái phiếu



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD (HDS)

 [www.hdbs.vn](http://www.hdbs.vn)


### TRỤ SỞ CHÍNH

 23A-B Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

 +84 287 3076966

 +84 286 2838666


### CHI NHÁNH HÀ NỘI


 Tầng 5, 32 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

 +84 243 359 8866

 +84 243 351 8866

### PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

 [hdbs.vn/trung-tam-phan-tich](http://hdbs.vn/trung-tam-phan-tich)

 [research@hdbs.vn](mailto:research@hdbs.vn)

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin về thị trường được cung cấp trên đây do Bộ phận Nghiên cứu và Phân tích thu thập từ các nguồn được coi là đáng tin cậy, tuy nhiên HDS không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo.

Việc cung cấp các thông tin này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, HDS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây vào hoạt động kinh doanh. Các thông tin trên đây hoàn toàn có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và HDS không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Bản tin này là sản phẩm và tài sản của HDS. Mọi hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của HDS đều là trái luật.